

Phụ lục

**DANH MỤC DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN TỪ NĂM 2024**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-KN ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT - BẢO VỆ THỰC VẬT</b>					
1.	Xây dựng mô hình sản xuất cà phê chè hữu cơ kết hợp du lịch sinh thái vùng phía Tây Trường Sơn	Nâng cao chất lượng, tăng giá trị gia tăng thông qua hoạt động HTX liên kết với doanh nghiệp tổ chức sản xuất cà phê chè đạt tiêu chuẩn hữu cơ. Xây dựng và hình thành vùng nguyên liệu cà phê chè chất lượng, đạt tiêu chuẩn hữu cơ phục vụ phát triển du lịch sinh thái bền vững, tạo sinh kế cho đồng bào dân tộc ít người vùng núi phía Tây Trường Sơn.	1. Xây dựng mô hình sản xuất cà phê chè hữu cơ gắn với Tổ Khuyến nông cộng đồng. 2. Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh (Tổ hợp tác/hợp tác xã) tiêu thụ sản phẩm kết hợp phát triển du lịch sinh thái 3. Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn, tham quan, tổng kết, thông tin tuyên truyền nhân rộng mô hình.	Quảng Trị	2024 - 2026	Trong 3 năm xây dựng được: 1) 30 ha mô hình cà phê chè (thực hiện liên tục tại cùng 1 điểm), được cấp mã số vùng trồng; năng suất $\geq 1,2$ tấn nhân khô/ha, 100% đạt chứng nhận hữu cơ ở năm thứ 3. 2) 01 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh theo chuỗi kết nối HTX/THT gắn với Tổ khuyến nông cộng đồng và doanh nghiệp tiêu thụ 100% sản phẩm của dự án. Mô hình được gắn với phát triển du lịch sinh thái và phát triển bền vững. 3) Hiệu quả kinh tế tăng 15-20% so với sản xuất đại trà. 4) Người dân tham gia mô hình được chuyển giao và nắm vững kỹ thuật chăm sóc cà phê chè hữu cơ, làm quen với sản xuất hàng hoá và xây dựng thương hiệu. 5) Tuyên truyền, đào tạo tập huấn, tham quan, sơ kết, tổng kết. Mô hình được nhân rộng $\geq 20\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.
2.	Xây dựng mô hình canh tác lúa - cá	Phát triển mô hình canh tác lúa - cá thuận thiên ở vùng đất trũng, vùng lũ nhằm tăng hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích,	1. Xây dựng mô hình: - Canh tác lúa vụ Đông xuân và Hè thu cho sản phẩm an toàn. - Nuôi cá thuận thiên, sản	Đồng Tháp, Hậu Giang	2024 - 2025	Trong 2 năm xây dựng được: 1) 60ha mô hình canh tác lúa (30 ha vụ Đông xuân; 30 ha vụ Hè thu), năng suất bình quân $\geq 6$ tấn/ha. 2) 30 ha nuôi cá tỷ lệ sống $\geq 80\%$ ; năng suất đạt từ 0,8 - 1,4 tấn/ha.

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả
		phát triển mô hình nông nghiệp theo hướng bền vững, giảm ô nhiễm môi trường, duy trì môi trường sinh thái tự nhiên, tạo ra sản phẩm an toàn cung cấp cho thị trường.	<p>phẩm an toàn.</p> <p>2. Xây dựng mô hình liên kết bao tiêu sản phẩm gắn với Tổ khuyến nông cộng đồng.</p> <p>3. Đào tạo, tập huấn kết hợp tham quan, tổng kết, thông tin tuyên truyền nhân rộng mô hình.</p>			<p>3) 02 mô hình liên kết bao tiêu sản phẩm (80% lúa, 60% sản phẩm cá) và phát triển bền vững.</p> <p>4) Hiệu quả kinh tế <math>\geq 15\%</math> so với đại trà.</p> <p>5) Tổ chức các hoạt động tập huấn, tham quan tổng kết, thông tin tuyên truyền kết quả mô hình. Nhân rộng mô hình với diện tích <math>\geq 20\%</math> so với quy mô dự án được phê duyệt.</p>
3.	Xây dựng mô hình áp dụng công nghệ cắt, băm và phun chế phẩm vi sinh xử lý gốc rạ trên đồng ruộng làm phân bón, giảm chi phí sản xuất, giảm phát thải, thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp và tăng trưởng xanh.	Áp dụng công nghệ cắt, băm và phun chế phẩm vi sinh xử lý gốc rạ trên đồng ruộng làm phân bón, giảm chi phí sản xuất, giảm phát thải, thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp và tăng trưởng xanh.	<p>1. Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cắt, băm và phun chế phẩm phân hủy nhanh làm phân bón cho lúa.</p> <p>2. Tổ chức tập huấn Quy trình công nghệ cắt, băm và phun chế phẩm vi sinh xử lý gốc rạ trên đồng ruộng làm phân bón cho lúa.</p> <p>3. Tổ chức tham quan, sơ kết, tổng kết, thông tin tuyên truyền nhân rộng mô hình.</p>	Tiền Giang Sóc Trăng	2024 - 2025	<p>Trong 2 năm, xây dựng được:</p> <p>1) 100 ha mô hình ứng dụng công nghệ cắt, băm và phun chế phẩm phân hủy rơm rạ làm phân bón cho lúa. Hiệu quả kinh tế <math>\geq 15\%</math> so với đại trà.</p> <p>2) Tổ chức tập huấn Quy trình công nghệ cắt, băm và phun chế phẩm vi sinh xử lý gốc rạ trên đồng ruộng làm phân bón cho lúa.</p> <p>3) Tổ chức tham quan, sơ kết, tổng kết, thông tin tuyên truyền nhân rộng mô hình <math>\geq 20\%</math> so với quy mô dự án được phê duyệt.</p>
4.	Xây dựng mô hình sử dụng phân bón hữu cơ nano và chế phẩm sinh học BVTV vào sản xuất nông nghiệp để nâng cao năng suất, chất lượng trong sản xuất chè, cam tạo sản phẩm an toàn, góp phần bảo vệ môi	Ứng dụng phân hữu cơ nano và chế phẩm sinh học BVTV vào sản xuất nông nghiệp để nâng cao năng suất, chất lượng trong sản xuất chè, cam tạo sản phẩm an toàn, góp phần bảo vệ môi	<p>1. Xây dựng mô hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng phân bón hữu cơ nano và chế phẩm sinh học BVTV trong sản xuất chè.</li> <li>- Sử dụng phân bón hữu cơ nano và chế phẩm sinh học BVTV trong sản xuất cam.</li> </ul> <p>2. Xây dựng mô hình tổ chức</p>	Thái Nguyên, Hoà Bình	2024 - 2026	<p>Trong 3 năm xây dựng được:</p> <p>1) 60 ha thâm canh chè và cam (30ha chè, 30ha cam thực hiện liên tiếp trên cùng điểm) sử dụng phân bón nano và chế phẩm BVTV, năng suất <math>\geq 10\%</math>, sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP. Mô hình được cấp mã số vùng trồng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.</p> <p>2) 02 mô hình liên kết tổ chức quản lý sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho người dân tham gia dự án.</p>

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả
	một số tỉnh vùng miền núi phía Bắc	trường và sản xuất bền vững.	quản lý sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gắn với Tổ khuyến nông cộng đồng; 3. Tổ chức đào tạo, tập huấn, tham quan, sơ kết, tổng kết, thông tin tuyên truyền nhân rộng mô hình.			3) Hiệu quả kinh tế $\geq 15\%$ so với sản xuất ngoài mô hình. 4) Tổ chức đào tạo, tập huấn, tham quan, sơ kết, tổng kết, thông tin tuyên truyền kết quả mô hình. Nhân rộng mô hình với diện tích $\geq 20\%$ so với tổng quy mô diện tích dự án được phê duyệt.
5.	Xây dựng mô hình sản xuất rau an toàn gắn với du lịch sinh thái trải nghiệm và phát triển khuyến nông đô thị	Phát triển mô hình sản xuất nông nghiệp gắn với du lịch sinh thái trải nghiệm tích hợp đa giá trị. Nâng cao khả năng sản xuất, tiêu thụ, năng lực cạnh tranh và xúc tiến thương mại một số sản phẩm rau an toàn phục vụ tiêu thụ nội đô gắn với phát triển mạng lưới khuyến nông đô thị.	1. Xây dựng mô hình sản xuất rau an toàn gắn với phát triển du lịch sinh thái trải nghiệm. 2. Xây dựng mô hình liên kết tổ chức sản xuất rau an toàn gắn với dịch vụ du lịch trải nghiệm và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. 3. Đào tạo, tập huấn: Tổ chức hoạt động đào tạo, tập huấn, tham quan, tổng kết, thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.	Hà Nội, Bắc Ninh	2024 - 2025	Trong 2 năm xây dựng được: 1) 120 ha rau an toàn kết hợp du lịch sinh thái trải nghiệm, sản phẩm đạt chứng nhận VietGAP. 2) Hình thành vùng sản xuất rau an toàn gắn với phát triển du lịch sinh thái trải nghiệm, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng và khách du lịch, học sinh nội đô. 3) 02 mô hình liên kết giữa THT/HTX với doanh nghiệp (dự án giới thiệu doanh nghiệp cho người dân tiêu thụ $\geq 70\%$ sản phẩm). 4) Hiệu quả kinh tế $\geq 15\%$ so với sản xuất đại trà. 5) Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn, tham quan, sơ kết, tổng kết, thông tin tuyên truyền kết quả của mô hình. Nhân rộng mô hình với diện tích $\geq 20\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.
6.	Xây dựng mô hình sản xuất các giống ngô nếp mới gắn với tiêu thụ	- Chuyển giao các giống ngô nếp mới tăng vụ trên đất hai vụ lúa và đất chuyên màu nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hoá, nâng cao giá trị thu	1. Xây dựng mô hình Sản xuất ngô thực phẩm (ngô nếp mới) áp dụng gói kỹ thuật đồng bộ gồm: - Mô hình sản ngô nếp mới vụ đông trên đất 2 vụ lúa.	Hà Nội, Hải Dương,	2024 - 2025	Trong 2 năm xây dựng được: 1) 100 ha ngô nếp, năng suất ngô bắp đạt 12-14 tấn/ha. Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 15\%$ so với sản xuất đại trà. 2) 02 mô hình liên kết tiêu thụ $\geq 70\%$ sản lượng bắp ngô phục vụ ăn tươi, chế biến, xuất khẩu.

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả
	sản phẩm vùng Đồng bằng sông Hồng	nhập và hiệu quả sử dụng đất tại một số tỉnh đồng bằng sông Hồng; - Nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả sản xuất và bảo vệ bền vững quỹ đất nông nghiệp, thân thiện môi trường	- Mô hình sản ngô nếp mới trên đất chuyên màu. 2. Xây dựng mô hình liên kết tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị gắn với Tổ khuyến nông cộng đồng. 3. Tổ chức hoạt động đào tạo tập huấn và thông tin tuyên truyền và nhân rộng mô hình.			3) Tổ chức đào tạo, tập huấn, tham quan, sơ kết, tổng kết, thông tin tuyên truyền kết quả mô hình. Nhân rộng mô hình với diện tích $\geq 20\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.
7.	Xây dựng mô hình rải vụ, thâm canh bưởi theo VietGAP tại các tỉnh miền núi phía Bắc.	Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất, xây dựng mô hình rải vụ thâm canh một số giống bưởi theo VietGAP, nâng cao thu nhập cho người nông dân, phục vụ tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp ở một số tỉnh miền núi phía Bắc.	1. Xây dựng mô hình: - Ghép cải tạo rải vụ các giống bưởi đỏ Hòa Bình và bưởi Tam Vân. - Thâm canh bưởi Ngọt Soi Hà, Đường lá Nhãn, bưởi Diễn. - Bảo quản quả bưởi (bưởi Diễn, bưởi Ngọt Soi Hà, bưởi Đường lá Nhãn ...). 2. Xây dựng mô hình liên kết tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị gắn với Tổ khuyến nông cộng đồng. 3. Tổ chức hoạt động đào tạo tập huấn và thông tin tuyên truyền và nhân rộng mô hình.	Phú Thọ, Tuyên Quang	2024 - 2026	Trong 3 năm xây dựng được: 1) 10 ha mô hình ghép rải vụ các giống bưởi bưởi đỏ Hòa Bình (thu hoạch tháng 10 - tháng 11) và bưởi Tam Vân (thu hoạch từ tháng 10 đến tháng 2 năm sau), năng suất trung bình năm thứ 3 đạt $\geq 20$ tấn/ha, năm thứ 4 năng suất đạt $\geq 25$ tấn/ha và ổn định ở các năm tiếp theo. 2) 10 ha mô hình thâm canh bưởi Đường lá Nhãn (thu hoạch tháng 9 – tháng 11), bưởi Ngọt Soi Hà (thu hoạch tháng 10- tháng 11), bưởi Diễn (thu hoạch tháng 12- tháng 2 năm sau), năng suất trung bình các giống đạt $\geq 30$ tấn/ha/năm. 3) 10.000 quả bưởi bảo quản theo chuỗi giá trị (bưởi Diễn, bưởi Ngọt Soi Hà, bưởi Đường lá Nhãn ...). Các mô hình được cấp mã số vùng trồng, sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP và gắn với truy xuất nguồn gốc. 4) Xây dựng 3 mô hình tổ chức quản lý sản xuất,

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả
						kinh doanh liên kết tiêu thụ sản phẩm gắn với Tổ khuyến nông cộng đồng. 5) Hiệu quả kinh tế $\geq 15\%$ so với sản xuất đại trà. 6) Tổ chức đào tạo, tập huấn, tham quan, sơ kết, tổng kết, thông tin tuyên truyền kết quả mô hình. Nhân rộng mô hình với diện tích $\geq 20\%$ so với tổng quy mô diện tích dự án được phê duyệt.
8.	Xây dựng mô hình cải tạo phục hồi vườn cây ăn quả có múi tại một số tỉnh phía Bắc	Ứng dụng các biện pháp canh tác (sử dụng phân bón thế hệ mới, chế phẩm, quản lý tổng hợp, vật liệu hữu cơ che phủ, ...) trong sản xuất cây ăn quả có múi, nâng cao chất lượng vườn quả và phát triển bền vững.	1. Xây dựng mô hình: - Cải tạo vườn cam bằng các biện pháp quản lý dinh dưỡng tổng hợp. - Tái canh cây cam áp dụng tiến bộ (giống mới, xử lý đất, tuyến trùng ...). 2. Xây dựng mô hình HTX tổ chức quản lý sản xuất liên kết tiêu thụ sản phẩm gắn với Tổ khuyến nông cộng đồng. 3. Tổ chức đào tạo, tập huấn, tham quan, sơ kết, tổng kết, thông tin tuyên truyền nhân rộng mô hình.	Hoà Bình, Nghệ An	2024 - 2026	Trong 3 năm xây dựng được: 1) 60 ha mô hình cam được cải tạo phục hồi năng suất $\geq 15\%$ (thực hiện liên tiếp tại cùng 1 điểm), được cấp mã số vùng trồng và truy xuất nguồn gốc. Hiệu quả kinh tế $\geq 15\%$ so với sản xuất đại trà. 2) 10 ha mô hình cam tái canh, tỷ lệ sống trên 95%, cây sinh trưởng phát triển tốt. 3) Giới thiệu 02 mô hình liên kết với doanh nghiệp tiêu thụ $\geq 80\%$ sản phẩm mô hình. 4) Tổ chức hoạt động đào tạo, tập huấn, tham quan, tổng kết, thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến và kết quả của mô hình. Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.
9.	Xây dựng mô hình quản lý tổng hợp sâu bệnh hại sầu riêng	Xây dựng mô hình quản lý dịch hại tổng hợp trên cây sầu riêng, áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật tiên tiến, trong đó tăng cường sử dụng chế	1. Xây dựng mô hình quản lý tổng hợp dịch hại cây sầu riêng phục vụ xuất khẩu. 2. Thực hiện cấp mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, cấp chứng nhận	Đắk Lắk, Đắk Nông	2024 - 2026	Trong 3 năm xây dựng được: 1) 50ha mô hình canh tác sầu riêng được cấp mã số vùng trồng và sản phẩm có truy xuất nguồn gốc: + Giảm tỷ lệ sâu bệnh hại chính (héo ngọn, xì mũ, sâu đục quả...) $\geq 80\%$ . + Sản phẩm đạt chứng nhận VietGAP/tiêu chuẩn

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả
	với liên kết tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi	phẩm sinh học, giảm lượng thuốc BVTV, tạo ra sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.	VietGAP. 3. Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh giữa HTX/THT, Tổ KNCD liên kết với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm. 4. Tổ chức đào tạo, tập huấn, tham quan, sơ kết, tổng kết, thông tin tuyên truyền nhân rộng mô hình. 5. Kết nối nội dung của dự án với các dự án hiện có trong vùng để phát huy hiệu quả đầu tư.			xuất khẩu (Trung Quốc, Nhật Bản...) + Hiệu quả kinh tế của mô hình $\geq 15\%$ so với sản xuất đại trà. 2) 02 mô hình liên kết chuỗi giữa người trồng sầu riêng và doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm gắn với Tổ khuyến nông cộng đồng, tiêu thụ $\geq 80\%$ lượng sản phẩm và phát triển bền vững. 3) Tổ chức hoạt động đào tạo, tập huấn, tham quan, tổng kết, thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến và kết quả của mô hình. Nhân rộng mô hình quy mô $\geq 20\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.
10.	Xây dựng mô hình nhân nhanh giống sầu mới gắn với nhà máy chế biến tại các tỉnh vùng Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên	- Nhân nhanh các giống sầu mới chống chịu bệnh khảm lá (HN1, HN3, HN5...) vào sản xuất, từng bước thay thế các giống sầu chủ lực (KM419, KM140, KM94, KM505...) đã bị nhiễm khảm lá. - Giảm bởi áp lực và từng bước loại bỏ bệnh khảm lá sầu, ổn định năng suất, chất lượng phục vụ phát triển vùng nguyên liệu.	1. Xây dựng mô hình nhân giống chống chịu bệnh khảm lá, sản phẩm đạt tiêu chuẩn nhà máy chế biến. 2. Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh tiêu thụ gắn với Tổ khuyến nông cộng đồng. 3. Tổ chức đào tạo, tập huấn, tham quan, sơ kết, tổng kết, thông tin tuyên truyền nhân rộng mô hình.	Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kon Tum, Gia Lai	2024 - 2026	Trong 3 năm xây dựng được: 1) 320 ha mô hình nhân giống sầu chống chịu bệnh khảm lá, tạo vùng nguyên liệu đạt chuẩn phục vụ nhà máy chế biến, năng suất trung bình: $\geq 25$ tấn/ha/vụ; 120.000 hom giống cấp xác nhận/ha. 2) 04 mô hình tổ chức quản lý sản xuất liên kết với nhà máy nhân và phát triển giống gắn với tiêu thụ sản phẩm bền vững. 3) Người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật nhân giống, biện pháp phòng trừ bệnh khảm theo tiêu chuẩn nhà máy. 4) Hiệu quả kinh tế của mô hình tăng $\geq 15\%$ so với sản xuất đại trà. 5) Nhân rộng kết quả mô hình thông qua: Tuyên

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả
						truyền; đào tạo tập huấn; tham quan; sơ kết; tổng kết. Mô hình được nhân rộng $\geq 20\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.
11.	Xây dựng mô hình sản xuất ngô làm thức ăn chăn nuôi tại các tỉnh Tây Nguyên	Xây dựng mô hình sản xuất ngô liên kết với doanh nghiệp để tiêu thụ sản phẩm phục vụ chăn nuôi đại gia súc. Nâng cao vai trò của HTX liên kết với Doanh nghiệp trong tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho người dân.	1. Xây dựng mô hình sản xuất ngô phục vụ chăn nuôi. 2. Xây dựng mô hình tổ chức liên kết với các doanh nghiệp chăn nuôi đại gia súc tiêu thụ sản phẩm cho nông dân gắn với Tổ khuyến nông cộng đồng và phát triển bền vững. 3. Tổ chức các hoạt động tập huấn, đào tạo cho nông dân trong và ngoài mô hình 4. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết; tham quan hội thảo và thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.	Kon Tum, Đắk Nông	2024 - 2025	Trong 2 năm xây dựng được: 1) 100 ha mô hình ngô năng suất (ngô sinh khối $\geq 50$ tấn/ha hoặc ngô lấy hạt $\geq 7$ tấn hạt khô/ha) hiệu quả kinh tế $\geq 15\%$ so với sản xuất đại trà. 2) 02 mô hình liên kết với doanh nghiệp chăn nuôi đại gia súc tiêu thụ 100% sản phẩm cho nông dân. 3) Tổ chức hoạt động đào tạo, tập huấn, tham quan, tổng kết, thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến và kết quả của mô hình. Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với tổng số quy mô dự án được phê duyệt.
12.	Xây dựng mô hình canh tác lúa giảm phát thải phục vụ phát triển bền vững vùng nguyên liệu lúa gạo xuất khẩu	- Thúc đẩy áp dụng “Quy trình canh tác lúa tổng hợp thích ứng với BĐKH Đồng bằng sông Cửu Long” xây dựng mô hình sản xuất lúa gạo thích ứng biến đổi khí hậu vùng ĐBSCL, giảm phát thải khí nhà kính.	1. Xây dựng mô hình sản xuất lúa gạo đạt tiêu chuẩn xuất khẩu áp dụng “quy trình canh tác lúa tổng hợp thích ứng với BĐKH đồng bằng sông Cửu Long”. Thực hiện các hoạt động cấp mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc và chứng nhận chất lượng sản phẩm. 2. Mô hình áp dụng cơ giới	Kiên Giang, Sóc Trăng, Long An, Tiền Giang, Hậu Giang An Giang	2024 - 2025	Trong 2 năm xây dựng được: 1) 600 ha lúa phục vụ xuất khẩu, năng suất bình quân $\geq 6,2$ tấn/ha, được cấp mã số vùng trồng, chi phí đầu vào giảm tối thiểu 15% (giống, phân bón, thuốc BVTV, công lao động) so với đại trà và thích ứng với biến đổi khí hậu. 2) 06 mô hình ứng dụng thiết bị cuốn rơm rạ tự hành. 3) 06 mô hình ứng dụng phế phụ phẩm xử lý gốc rạ, giảm phát thải.

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả
	của Đồng bằng sông Cửu Long.	<p>- Giảm chi phí sản xuất, tăng hiệu quả kinh tế, tạo ra sản phẩm gạo phục vụ xuất khẩu và nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường;</p> <p>- Xây dựng và phát triển bền vững vùng nguyên liệu liên kết sản xuất tiêu thụ lúa giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp xuất khẩu.</p>	<p>hoá xử lý, thu gom rơm rạ, tạo phân hữu cơ vi sinh phục vụ xây dựng mô hình sản xuất lúa giảm chi phí.</p> <p>3. Xây dựng mô hình liên kết sản xuất tiêu thụ lúa gạo THT/HTX và doanh nghiệp tiêu thụ gắn với Tổ khuyến nông cộng đồng.</p> <p>4. Tổ chức các hoạt động tập huấn, đào tạo cho nông dân trong và ngoài mô hình</p> <p>5. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết; tham quan hội thảo và thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</p>			<p>4) 06 mô hình tổ chức quản lý sản xuất liên kết HTX với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm gắn với Tổ khuyến nông cộng đồng và phát triển bền vững.</p> <p>5) Hiệu quả kinh tế <math>\geq 15\%</math> so với sản xuất đại trà.</p> <p>6) Tổ chức hoạt động đào tạo, tập huấn, tham quan, tổng kết, thông tin tuyên truyền phổ biến và kết quả của mô hình. Nhân rộng mô hình <math>\geq 30\%</math> so với tổng quy mô dự án được phê duyệt.</p>
13.	Xây dựng mô hình sản xuất dong riêng phục vụ phát triển vùng nguyên liệu sản xuất sản phẩm OCOP tại một số tỉnh miền núi	<p>Khai thác lợi thế vùng miền núi sản xuất dong riêng theo chuỗi giá trị phục vụ phát triển vùng nguyên liệu sản xuất sản phẩm OCOP.</p> <p>Nhân rộng giải pháp KHKT ứng dụng chế phẩm vi sinh vào xử lý giảm tải ô nhiễm môi trường, nâng cao tính tự chủ và trách nhiệm của cộng đồng trong</p>	<p>1. Xây dựng mô hình sản xuất dong riêng năng suất, chất lượng cao theo tiêu chuẩn VietGAP.</p> <p>2. Xây dựng mô hình ứng dụng chế phẩm sinh học xử lý phế phụ phẩm dong riêng thành phân bón hữu cơ vi sinh quy mô nông hộ/THT/HTX.</p> <p>3. Xây dựng mô hình liên kết tổ chức sản xuất sản phẩm với doanh nghiệp tiêu thụ sản</p>	Lai Châu, Bắc Cạn, Cao Bằng	2024 - 2025	<p>Trong 2 năm xây dựng được:</p> <p>1) 150 ha dongriêng, năng suất bình quân <math>\geq 65</math> tấn/ha, hàm lượng tinh bột đạt <math>\geq 14\%</math>, sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP.</p> <p>2) Sản xuất được 1.200 tấn phân hữu cơ vi sinh từ thân, bã dong riêng đáp ứng quy chuẩn 01-198:2019/BNNPTNT giảm chi phí 10% khi tái sử dụng làm phân bón ở năm thứ 2.</p> <p>3) 03 mô hình liên kết tổ chức sản xuất sản phẩm với doanh nghiệp tiêu thụ <math>\geq 70\%</math> sản phẩm tinh bột gắn với Tổ khuyến nông cộng đồng.</p> <p>4) Hiệu quả kinh tế tăng <math>\geq 15\%</math> so với sản xuất dong</p>



TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả
	phía Bắc.	quản lý phế phụ phẩm, thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp.	phẩm gắn với Tổ khuyến nông cộng đồng. 4. Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn, tham quan, tổng kết, thông tin tuyên truyền và nhân rộng mô hình.			riêng đại trà. 5) Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn, tham quan, tổng kết, thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.
14.	Xây dựng mô hình trồng dâu nuôi tằm phục vụ phát triển ổn định nghề trồng dâu, nuôi tằm ở một số tỉnh miền núi phía Bắc	Ứng dụng đồng bộ tiến bộ kỹ thuật mới (giống dâu có chất lượng cao, quy trình nuôi tằm kỹ thuật mới,...) xây dựng và phát triển ổn định nghề trồng dâu nuôi tằm thương phẩm bền vững. Nâng cao năng lực của các cơ sở nuôi tằm, góp phần ổn định ngành dâu tằm tơ. Phát triển nghề trồng dâu, nuôi tằm gắn với xây dựng nông thôn mới, du lịch sinh thái và giảm nghèo bền vững.	1. Xây dựng mô hình trồng, thâm canh dâu giống mới năng suất chất lượng cao. 2. Xây dựng mô hình nuôi tằm con tập trung và mô hình nuôi tằm lớn. 3. Xây dựng mô hình liên kết tổ chức sản xuất giữa HTX/THT với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm gắn với Tổ khuyến nông cộng đồng và phát triển bền vững. 4. Tổ chức các hoạt động tập huấn, tham quan tổng kết, thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả nhân rộng mô hình theo quy định	Yên Bái, Lào Cai	2024 - 2026	Trong 3 năm xây dựng được: 1) 40 ha dâu trồng mới có tỷ lệ cây sống $\geq 95\%$ , năng suất năm thứ 3 đạt $\geq 30$ tấn/ha. 2) 20 ha dâu thâm canh, năng suất lá dâu đạt $\geq 30$ tấn/ha/năm. 3) Mô hình nuôi tằm con tập trung 2500 vòng trứng, tỷ lệ nuôi sống $\geq 90\%$ đến hết tuổi 3, Mô hình nuôi tằm lớn: 2500 vòng, tuổi 4. Năng suất kén đạt $\geq 14$ kg/vòng trứng, tăng $\geq 15\%$ so với kỹ thuật cũ. 4) Giới thiệu 02 mô hình liên kết tổ chức sản xuất giữa HTX/THT với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm của mô hình. 5) Hiệu quả kinh tế $\geq 15\%$ so với sản xuất đại trà. 6) Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn, tham quan, tổng kết, thông tin tuyên truyền phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.
15.	Xây dựng mô hình sản xuất một số cây trồng lợi	Ứng dụng TBKT mới, tiên tiến xây dựng mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng lợi thể trên vùng đất bãi	1. Xây dựng mô hình: - Sản xuất rau màu (hành lá, bắp cải, bí xanh) an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP.	Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình,	2024 - 2025	Trong 2 năm xây dựng được: 1) 30ha mô hình sản xuất rau màu, năng suất $\geq 10\%$ ; sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP và gắn với truy xuất nguồn gốc.

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả
	thế trên vùngbãi ngang các tỉnh Bắc Trung Bộ	ngang, tạo việc làm, góp phần ổn định đời sống, an ninh lương thực cho người dân vùng ven biển các tỉnh Bắc Trung bộ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất lạc năng suất cao theo chuỗi giá trị.</li> <li>- Sản xuất khoai lang chất lượng cao theo chuỗi giá trị.</li> </ul> <p>2. Xây dựng mô hình liên kết tổ chức quản lý sản xuất tiêu thụ sản phẩm bền vững.</p> <p>3. Tổ chức đào tạo, tập huấn, tham quan, sơ kết, tổng kết, thông tin tuyên truyền, nhân rộng mô hình.</p>	Quảng Trị		<p>2) 100ha mô hình sản xuất lạc gắn với chuỗi giá trị, năng suất đạt 3 - 4 tấn/ha, sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn và gắn với truy xuất nguồn gốc.</p> <p>3) 100ha mô hình sản xuất khoai lang chất lượng cao, năng suất <math>\geq 15</math> tấn/ha; sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP và gắn với truy xuất nguồn gốc.</p> <p>4). Giới thiệu được 04 mô hình liên kết giữa THT/HTX và doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm (rau màu, lạc, khoai lang) trên 60% sản lượng của mô hình.</p> <p>5) Hiệu quả kinh tế <math>\geq 15\%</math> so với đại trà.</p> <p>6) Tổ chức đào tạo, tập huấn, tham quan, sơ kết, tổng kết, thông tin tuyên truyền, nhân rộng mô hình <math>\geq 20\%</math> so với quy mô dự án được phê duyệt.</p>
<b>II</b>	<b>LĨNH VỰC CHĂN NUÔI – THÚ Y</b>					
16.	Xây dựng mô hình vỗ béo bò thịt, xử lý chất thải theo hướng tuần hoàn tại một số đơn vị quân đội.	Xây dựng được mô hình vỗ béo bò thịt theo hướng tuần hoàn (chăn nuôi – trồng trọt), phù hợp với điều kiện thực tế đơn vị quân đội đóng quân trên tuyến biên giới, biển, đảo nhằm chủ động tạo nguồn thực phẩm an toàn, phục vụ công tác hậu cần tại chỗ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong mọi	<p>1. Xây dựng mô hình vỗ béo bò thịt theo hướng tuần hoàn (chăn nuôi kết hợp trồng cỏ, ngô sinh khối làm thức ăn cho bò) nhằm nâng cao giá trị.</p> <p>2. Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn, tham quan, tổng kết, thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</p>	Quảng Ninh, Kiên Giang	2024-2026	<p>1) Xây dựng mô hình vỗ béo bò thịt theo hướng tuần hoàn (chăn nuôi kết hợp trồng cỏ, ngô sinh khối làm thức ăn cho bò, quy mô 200 con/mô hình. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt: Khả năng tăng khối lượng <math>\geq 750</math> g/con/ngày; 100% cơ sở chăn nuôi tham gia mô hình được xử lý chất thải làm phân bón cho cây trồng.</p> <p>2) Tổ chức hoạt động đào tạo, tập huấn, thông tin, tuyên truyền, nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</p> <p>3. Hiệu quả kinh tế tăng <math>\geq 10\%</math> so với chăn nuôi đại trà; Nhân rộng mô hình được <math>\geq 15\%</math> so với quy mô dự án được phê duyệt.</p>

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả
		tình huống.				
17.	Xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp theo tuần hoàn	Xây dựng được mô hình sản xuất nông nghiệp theo tuần hoàn nhằm nâng cao giá trị sản phẩm, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.	<p>1. Xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp theo tuần toàn (chăn nuôi bò kết hợp trồng ngô sinh khối làm thức ăn cho bò).</p> <p>2. Tổ chức hoạt động đào tạo tập huấn, thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</p>	Thái Nguyên, Bắc Ninh	2024-2026	<p>1) Xây dựng mô hình vỗ béo bò thịt tuần hoàn (chăn nuôi kết hợp trồng ngô sinh khối làm thức ăn cho bò), quy mô 200 con/mô hình. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt: Khả năng tăng khối lượng bình quân <math>\geq 750</math> g/con/ngày; 100% cơ sở chăn nuôi tham gia mô hình được xử lý chất thải làm phân bón cho cây trồng.</p> <p>2) Xây dựng mô hình trồng ngô sinh khối làm thức ăn cho bò. Quy mô 5 ha/mô hình. Năng suất sinh khối đạt trung bình <math>\geq 50</math> tấn/ha.</p> <p>3) Tổ chức hoạt động đào tạo, tập huấn, thông tin, tuyên truyền, nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</p> <p>4) Hiệu quả kinh tế tăng <math>\geq 10\%</math> so với chăn nuôi đại trà; Nhân rộng mô hình được <math>\geq 15\%</math> so với quy mô dự án được phê duyệt.</p>
18.	Xây dựng mô hình, chăn nuôi lợn thịt hữu cơ đảm bảo an toàn sinh học, theo kinh tế tuần hoàn	Xây dựng vùng chăn nuôi lợn thịt theo hướng hữu cơ đảm bảo an toàn sinh học, xử lý chất thải chăn nuôi, nâng cao chất lượng sản phẩm thịt và hiệu quả kinh tế.	<p>1. Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn thịt đạt <math>\geq 70\%</math> tiêu chí hữu cơ, an toàn sinh học tuần hoàn khép kín (chăn nuôi- xử lý chất thải chăn nuôi bằng chế phẩm sinh học làm phân bón hữu cơ trồng ngô, lúa, đậu tương... làm thức ăn chăn nuôi).</p> <p>2. Xây dựng chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm hữu cơ.</p> <p>3. Tổ chức hoạt động đào tạo</p>	Vĩnh Phúc, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế, Đồng Nai, Đồng Tháp, Bến Tre	2024-2026	<p>1) Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn thịt hữu đạt <math>\geq 70\%</math> tiêu chí hữu cơ, với quy mô 500 con/mô hình. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt: Khả năng tăng khối lượng <math>\geq 700</math> g/con/ngày; Tiêu tốn thức ăn /kg tăng khối lượng <math>\leq 2,6</math> kg.</p> <p>2) Xây dựng được chuỗi liên kết chăn nuôi, giết mổ tập trung và tiêu thụ sản phẩm.</p> <p>3) Tổ chức hoạt động đào tạo, tập huấn, thông tin, tuyên truyền, nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</p> <p>4. Hiệu quả kinh tế tăng <math>\geq 10\%</math> so với chăn nuôi đại trà. Nhân rộng mô hình được <math>\geq 15\%</math> so với quy mô</p>

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả
			tập huấn và thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.			dự án được phê duyệt.
19.	Xây dựng mô hình chăn nuôi bò thịt chứng nhận VietGAHP, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	Xây dựng được mô hình chăn nuôi bò thịt chứng nhận VietGAHP, truy xuất nguồn gốc gắn với chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao giá trị sản phẩm.	<ol style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng mô hình chăn nuôi bò thịt chứng nhận VietGAHP.</li> <li>Liên kết với các cơ sở giết mổ và tiêu thụ sản phẩm.</li> <li>Tổ chức hoạt động đào tạo tập huấn, thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</li> </ol>	Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Hà Nam	2024-2026	<ol style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng mô hình chăn nuôi bò thịt chứng nhận VietGAHP, quy mô 200 con/mô hình. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt: Khả năng tăng khối lượng bình quân <math>\geq 850</math> g/con/ngày.</li> <li>Xây dựng được liên kết chăn nuôi, giết mổ và tiêu thụ sản phẩm.</li> <li>Tổ chức hoạt động đào tạo, tập huấn, thông tin, tuyên truyền, nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</li> <li>Hiệu quả kinh tế tăng <math>\geq 10\%</math> so với chăn nuôi đại trà; Nhân rộng mô hình được <math>\geq 15\%</math> so với quy mô dự án được phê duyệt.</li> </ol>
20.	Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn thịt chứng nhận VietGAHP, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm tại các tỉnh Bắc Trung bộ	Xây dựng được vùng nguyên liệu lợn thịt, truy xuất nguồn gốc, chứng nhận VietGAHP gắn với chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm.	<ol style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn thịt (sử dụng lợn ngoại lai 3 - 4 máu) chứng nhận VietGAHP.</li> <li>Liên kết với các cơ sở giết mổ, chế biến, tiêu thụ sản phẩm tại các tỉnh Bắc Trung bộ.</li> <li>Tổ chức hoạt động đào tạo tập huấn, thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</li> </ol>	Quảng Bình, Quảng Trị	2024-2026	<ol style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn thịt chứng nhận VietGAHP, quy mô 500 con/mô hình. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt: Khả năng tăng khối lượng <math>\geq 700</math> g/con/ngày; Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng <math>\leq 2,6</math> kg.</li> <li>Xây dựng được chuỗi liên kết chăn nuôi, giết mổ tập trung và tiêu thụ sản phẩm trong vùng.</li> <li>Tổ chức hoạt động đào tạo, tập huấn, thông tin, tuyên truyền, nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</li> <li>Hiệu quả kinh tế tăng <math>\geq 10\%</math> so với chăn nuôi đại trà. Nhân rộng mô hình được <math>\geq 15\%</math> so với quy mô dự án được phê duyệt.</li> </ol>

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả
21.	Xây dựng mô hình chăn nuôi gà HAH-VCN chứng nhận VietGAHP, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	Xây dựng được vùng nguyên liệu gà đặc sản tập trung, truy xuất nguồn gốc, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm.	<ol style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng mô hình chăn nuôi gà HAH-VCN đạt chứng nhận VietGAHP.</li> <li>Xây dựng mô hình tổ chức quản lý, sản xuất kinh doanh giữa HTX/THT liên kết với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm.</li> <li>Tổ chức hoạt động đào tạo tập huấn, thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</li> </ol>	Yên Bái, Phú Thọ	2024-2026	<ol style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng mô hình chăn nuôi gà thịt HAH-VCN chứng nhận VietGAHP, quy mô 30.000 gà/mô hình. Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt ở 16 tuần tuổi: Tỷ lệ nuôi sống <math>\geq 93\%</math>, khối lượng cơ thể <math>\geq 1,4</math> kg/con, tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng <math>\leq 3,1</math> kg.</li> <li>Xây dựng được chuỗi liên kết chăn nuôi, giết mổ tập trung và tiêu thụ sản phẩm.</li> <li>Tổ chức hoạt động đào tạo, tập huấn, thông tin, tuyên truyền, nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</li> <li>Hiệu quả kinh tế tăng <math>\geq 10\%</math> so với chăn nuôi đại trà. Nhân rộng mô hình được <math>\geq 15\%</math> so với quy mô dự án được phê duyệt.</li> </ol>
22.	Xây dựng mô hình chăn nuôi vịt thịt ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận VietGAHP, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	Xây dựng được mô hình chăn nuôi vịt thịt ứng dụng công nghệ cao (công nghệ chuồng kín, tự động điều khiển tiểu khí hậu chuồng nuôi), truy xuất nguồn gốc, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm.	<ol style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng mô hình chăn nuôi vịt thịt ứng dụng công nghệ cao, truy xuất nguồn gốc, đạt chứng nhận VietGAHP.</li> <li>Liên kết với các cơ sở giết mổ, chế biến, tiêu thụ sản phẩm</li> <li>Tổ chức hoạt động đào tạo tập huấn, thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</li> </ol>	Bắc Ninh, Bắc Giang	2024-2026	<ol style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi vịt thịt, chứng nhận VietGAHP, quy mô 10.000 vịt/ mô hình. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt ở 8 tuần tuổi: Tỷ lệ nuôi sống <math>\geq 90\%</math>, khối lượng cơ thể <math>\geq 3,2</math> kg/con, tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng <math>\leq 2,7</math> kg.</li> <li>Xây dựng được chuỗi liên kết chăn nuôi, giết mổ tập trung và tiêu thụ sản phẩm</li> <li>Tổ chức hoạt động đào tạo, tập huấn, thông tin, tuyên truyền, nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</li> <li>Hiệu quả kinh tế tăng <math>\geq 10\%</math> so với chăn nuôi đại trà. Nhân rộng mô hình được <math>\geq 15\%</math> so với quy mô dự án được phê duyệt.</li> </ol>

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả
23.	Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn bản địa (Lợn Hương) tạo vùng nguyên liệu sản phẩm OCOP	Xây dựng được mô hình chăn nuôi lợn Hương, tạo vùng nguyên liệu cho sản phẩm OCOP.	<ol style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn bản địa (Lợn Hương) tạo vùng nguyên liệu cho sản phẩm OCOP.</li> <li>Tổ chức chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.</li> <li>Tổ chức hoạt động đào tạo tập huấn và thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</li> </ol>	Quảng Ninh, Nam Định, Thái Nguyên	2024-2026	<ol style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn bản địa (Lợn Hương) tạo vùng nguyên liệu cho sản phẩm OCOP, quy mô 600 con/mô hình. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt: Tăng khối lượng: <math>\geq 240</math> g/con/ngày; tiêu tốn thức ăn/ kg tăng khối lượng <math>\leq 5</math> kg.</li> <li>Liên kết tiêu thụ 100% sản phẩm của mô hình.</li> <li>Tổ chức hoạt động đào tạo, tập huấn, thông tin, tuyên truyền, nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</li> <li>Hiệu quả kinh tế tăng <math>\geq 10\%</math> so với chăn nuôi đại trà. Nhân rộng mô hình được <math>\geq 15\%</math> so với quy mô dự án được phê duyệt.</li> </ol>
24.	Xây dựng mô hình chăn nuôi vịt Bầu Bền, vịt Biền tạo vùng nguyên liệu cho sản phẩm OCOP và liên kết tiêu thụ sản phẩm	Xây dựng được mô hình chăn nuôi vịt Bầu Bền, vịt Biền tạo vùng nguyên liệu cho sản phẩm OCOP.	<ol style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng mô hình chăn nuôi vịt Bầu Bền, vịt Biền, tạo vùng nguyên liệu sản phẩm OCOP.</li> <li>Tổ chức chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.</li> <li>Tổ chức hoạt động đào tạo tập huấn và thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</li> </ol>	Hoà Bình, Thái Bình	2024-2026	<ol style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng mô hình chăn nuôi vịt Bầu Bền, vịt Biền, tạo vùng nguyên liệu cho sản phẩm OCOP quy mô 10.000 con vịt thương phẩm/ mô hình. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt ở 10 tuần tuổi: Vịt Bầu Bền: tỷ lệ nuôi sống <math>\geq 90\%</math>, khối lượng <math>\geq 1,8</math> kg/con, tiêu tốn thức ăn/ kg tăng khối lượng <math>\leq 3,0</math> kg. Vịt Biền: tỷ lệ nuôi sống <math>\geq 90\%</math>, khối lượng <math>\geq 2,5</math> kg/con, tiêu tốn thức ăn/ kg tăng khối lượng <math>\leq 2,8</math> kg.</li> <li>Tổ chức chuỗi liên kết (chăn nuôi, giết mổ tập trung và tiêu thụ sản phẩm).</li> <li>Tổ chức hoạt động đào tạo, tập huấn, thông tin, tuyên truyền, nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</li> <li>Hiệu quả kinh tế tăng <math>\geq 10\%</math> so với chăn nuôi đại trà. Nhân rộng mô hình được <math>\geq 15\%</math> so với quy mô dự án được phê duyệt.</li> </ol>

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả
25.	Xây dựng mô hình nuôi ong mật gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm.	Xây dựng được mô hình nuôi ong mật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. gắn với chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm.	1. Xây dựng mô hình nuôi ong mật chất lượng cao. 2. Tổ chức liên kết tiêu thụ sản phẩm. 3. Tổ chức các hoạt động tập huấn, tham quan, tổng kết và Thông tin tuyên truyền quảng bá mô hình.	Phú Thọ, Lào Cai	2024-2026	1) Xây dựng mô hình nuôi ong, quy mô 300 đàn ong mật/mô hình (giống ong nội Apis cerana) 03 câu chuẩn/đàn. Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần: năng suất mật bình quân $\geq 18$ kg/đàn/năm. 2) Liên kết tiêu thụ 100% sản phẩm của mô hình. 3) Tổ chức hoạt động đào tạo, tập huấn, thông tin, tuyên truyền, nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 4) Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 10\%$ so với chăn nuôi đại trà. Nhân rộng mô hình được $\geq 15\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.
26.	Xây dựng mô hình chăn nuôi cừu sinh sản thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Duyên hải Nam Trung bộ	Xây dựng được mô hình chăn nuôi cừu sinh sản thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với phát triển du lịch sinh thái.	1. Xây dựng mô hình chăn nuôi cừu sinh sản thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn với du lịch sinh thái. 2. Tổ chức hoạt động đào tạo tập huấn, tham quan, tổng kết, thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình theo quy định.	Bình Thuận, Ninh Thuận.	2024-2026	1) Xây dựng mô hình chăn nuôi cừu sinh sản, quy mô 10 cừu đực và 200 cừu cái giống/ mô hình. Các chỉ tiêu kỹ thuật cần đạt: số lứa đẻ $\geq 1,6$ lứa/cái/năm, khối lượng cừu sơ sinh $\geq 2,3$ kg/con; Tỷ lệ nuôi sống đến 3 tháng tuổi $\geq 90\%$ . 2) Tổ chức hoạt động đào tạo, tập huấn, thông tin, tuyên truyền, nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 3) Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 10\%$ so với chăn nuôi đại trà. Nhân rộng mô hình được $\geq 15\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.
27.	Phát triển chăn nuôi dê sinh sản gắn với du lịch sinh thái	Xây dựng được mô hình chăn nuôi dê sinh sản gắn với phát triển du lịch sinh thái nhằm nâng cao giá trị sản phẩm.	1. Xây dựng mô hình chăn nuôi dê sinh sản gắn với du lịch sinh thái nhằm nâng cao giá trị sản phẩm. 2. Tổ chức hoạt động đào tạo tập huấn, thông tin tuyên	Ninh Bình, Phú Thọ	2024-2026	1) Xây dựng mô hình chăn nuôi dê sinh sản gắn với du lịch sinh thái, quy mô 200 con dê cái và 10 con dê đực/ mô hình. Chỉ tiêu kỹ thuật cần đạt: số lứa đẻ $\geq 1,6$ lứa/cái/năm, khối lượng dê sơ sinh $\geq 2,3$ kg/con; Tỷ lệ nuôi sống đến 3 tháng tuổi $\geq 90\%$ . 2) Tổ chức hoạt động đào tạo, tập huấn, thông tin,

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả
			truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.			tuyên truyền, nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 3) Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 10\%$ so với chăn nuôi đại trà. Nhân rộng mô hình được $\geq 15\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.
28.	Xây dựng mô hình chăn nuôi gà lông màu thương phẩm theo hướng an toàn sinh học tại một số đơn vị quân đội	Xây dựng được mô hình chăn nuôi gà thương phẩm theo hướng an toàn sinh học, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, cải thiện bữa ăn cho chiến sỹ.	1. Xây dựng mô hình chăn nuôi gà thương phẩm theo hướng an toàn sinh học. 2. Tổ chức hoạt động đào tạo tập huấn, thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.	Bình Phước, Đồng Nai	2024-2026	1) Xây dựng mô hình chăn nuôi gà thương phẩm theo hướng an toàn sinh học tại đơn vị quân đội, quy mô 10.000 gà thương phẩm/ mô hình. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt ở 14 tuần tuổi: tỷ lệ nuôi sống $\geq 93\%$ , khối lượng cơ thể $\geq 1,6$ kg/con, tiêu tốn TĂ/kg tăng khối lượng $\leq 2,9$ kg. 2) Tổ chức hoạt động đào tạo, tập huấn, thông tin, tuyên truyền, nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 3) Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 10\%$ so với chăn nuôi đại trà. Nhân rộng mô hình được $\geq 15\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.
29.	Phát triển mô hình chăn nuôi tại huyện Mùong Lát, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng được mô hình chăn nuôi dê sinh sản, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm, góp phần xóa đói giảm nghèo cho người dân tại huyện Mùong Lát.	1. Xây dựng mô hình chăn nuôi dê sinh sản. 2. Tổ chức hoạt động đào tạo tập huấn, thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.	Mùong Lát - Thanh Hoá	2024-2026	1) Xây dựng mô hình chăn nuôi dê sinh sản, quy mô 200 con dê cái và 10 con dê đực/ mô hình. Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt: số lứa đẻ $\geq 1,6$ lứa/cái/năm, khối lượng dê sơ sinh $\geq 2,3$ kg/con; Tỷ lệ nuôi sống đến 3 tháng tuổi $\geq 90\%$ . 2) Tổ chức hoạt động đào tạo, tập huấn, thông tin, tuyên truyền, nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 3) Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 10\%$ so với chăn nuôi đại trà. Nhân rộng mô hình được $\geq 15\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.



TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả
<b>III</b>	<b>LĨNH VỰC KHUYẾN NGŨ</b>					
30.	Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá chình hoa ( <i>Anguilla marmorata</i> ) đạt năng suất và hiệu quả kinh tế cao ở một số tỉnh Miền Trung	Ứng dụng các tiến bộ công nghệ kỹ thuật mới phát triển ổn định nghề nuôi cá chình hoa thương phẩm góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế, ổn định đời sống cho ngư dân.	<ol style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá chình hoa đạt năng suất và hiệu quả cao.</li> <li>Xây dựng tối thiểu 01 chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm</li> <li>Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn tham quan, tổng kết, tuyên truyền kết quả dự án để phổ biến nhân rộng</li> </ol>	Khánh Hoà, Bình Định, Phú Yên	2024-2026	<ol style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng mô hình: Quy mô <math>\geq 2.000 \text{ m}^3</math> bể nuôi tuần hoàn cá chình hoa thương phẩm; Tỷ lệ sống đạt <math>\geq 80\%</math>, kích cỡ thu hoạch <math>\geq 1000 \text{ g/con}</math>, năng suất đạt <math>\geq 12 \text{ kg/m}^3</math>.</li> <li>Xây dựng được <math>\geq 01</math> liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.</li> <li>Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn, tham quan, tổng kết, thông tin tuyên truyền và nhân rộng mô hình theo quy định.</li> <li>Hiệu quả kinh tế: tăng tối thiểu 15% so với trước khi thực hiện mô hình</li> <li>Nhân rộng mô hình tối thiểu 15% so với quy mô dự án được phê duyệt.</li> </ol>
31.	Xây dựng mô hình nuôi lươn thương phẩm trong bể không bùn gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đa dạng các đối tượng nuôi, phát huy lợi thế điều kiện tự nhiên của vùng.</li> <li>Tận dụng tiềm năng diện tích đất sẵn có của địa phương, nâng cao giá trị, hiệu quả kinh tế trong sản xuất thủy sản vùng nội đồng.</li> <li>Tạo chuỗi liên kết sản xuất phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm lươn trong bể không bùn.</li> <li>Xây dựng ít nhất 01 chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm</li> <li>Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn tham quan, tổng kết, tuyên truyền kết quả dự án để phổ biến nhân rộng.</li> </ol>	Nghệ An, Thanh Hoá, Ninh Bình	2024-2026	<ol style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng mô hình: Quy mô <math>\geq 3.000 \text{ m}^2</math> diện tích nuôi lươn thương phẩm trong bể không bùn: Cỡ lươn thương phẩm <math>\geq 250 \text{ g/con}</math>; Tỷ lệ sống <math>\geq 75\%</math>; Năng suất <math>\geq 15 \text{ kg/m}^2</math>.</li> <li>Xây dựng được ít nhất 01 chuỗi liên kết sản xuất nuôi thương phẩm và tiêu thụ sản phẩm.</li> <li>Tổ chức các hoạt động đào tạo tập huấn, thông tin tuyên truyền nhằm quảng bá và nhân rộng mô hình.</li> <li>Hiệu quả kinh tế: tăng tối thiểu 15% so với trước khi thực hiện mô hình</li> <li>Nhân rộng mô hình tối thiểu 15% so với quy mô dự án được phê duyệt.</li> </ol>

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả
32.	Xây dựng mô hình nuôi tôm sú 2 giai đoạn gắn với chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm tại một số tỉnh Duyên hải miền Trung	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng công nghệ tiên tiến phát triển nuôi tôm sú nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.</li> <li>- Phát triển nuôi tôm ứng dụng công nghệ mới, thích ứng với biến đổi khí hậu.</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xây dựng mô hình nuôi tôm sú 2 giai đoạn.</li> <li>2. Xây dựng 01 chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm với THT/HTX.</li> <li>3. Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn tham quan, tổng kết, tuyên truyền kết quả dự án để phổ biến nhân rộng</li> </ol>	Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế,	2024-2026	<ol style="list-style-type: none"> <li>1) Xây dựng mô hình: quy mô <math>\geq 10</math> ha, đạt các chỉ tiêu kỹ thuật: Năng suất <math>\geq 2</math> tấn/ha, tỷ lệ sống <math>\geq 80\%</math>; Cỡ thu <math>\leq 30</math> con/kg; FCR <math>\leq 1.5</math></li> <li>2) Tổ chức liên kết hộ nuôi tôm nhỏ lẻ thành THT/HTX</li> <li>3) Hình thành <math>\geq 01</math> chuỗi cung ứng giống, vật tư và doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm với THT/HTX.</li> <li>4) Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn, tham quan, tổng kết, thông tin tuyên truyền và nhân rộng mô hình theo quy định.</li> <li>5) Hiệu quả kinh tế: tăng tối thiểu 15% so với trước khi thực hiện mô hình</li> <li>6) Nhân rộng mô hình tối thiểu 15% so với quy mô dự án được phê duyệt.</li> </ol>
33.	Xây dựng mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng 2 giai đoạn ứng dụng công nghệ sinh học thích ứng với biến đổi khí hậu tại một số tỉnh vùng Đồng bằng Sông	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng công nghệ tiên tiến vào nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh.</li> <li>- Phát triển nuôi tôm ứng dụng công nghệ mới, thích ứng với biến đổi khí hậu.</li> <li>- Nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế.</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xây dựng mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng 2 giai đoạn ứng dụng công nghệ sinh học</li> <li>2. Xây dựng 01 chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm</li> <li>3. Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn tham quan, tổng kết, tuyên truyền kết quả dự án để phổ biến nhân rộng.</li> </ol>	Bến Tre, Bạc Liêu, Kiên Giang	2024-2026	<ol style="list-style-type: none"> <li>1) Xây dựng mô hình: quy mô <math>\geq 10</math> ha, đạt các chỉ tiêu kỹ thuật: Năng suất <math>\geq 20</math> tấn/ha, tỷ lệ sống <math>\geq 70\%</math>; Cỡ thu <math>\leq 70</math> con/kg; FCR <math>\leq 1.2</math></li> <li>2) Hình thành <math>\geq 02</math> chuỗi cung ứng giống, vật tư và doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm.</li> <li>3) Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn, tham quan, tổng kết, thông tin tuyên truyền và nhân rộng mô hình theo quy định.</li> <li>4) Hiệu quả kinh tế: tăng tối thiểu 15% so với trước khi thực hiện mô hình</li> <li>5) Nhân rộng mô hình tối thiểu 15% so với quy mô dự án được phê duyệt.</li> </ol>

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả
	Cửu Long					
34.	Xây dựng mô hình sản xuất giống cá chim vây vàng ( <i>Trachinotus falcatus</i> ) quy mô công nghiệp, sạch bệnh phục vụ phát triển bền vững nghề nuôi biển	Nâng cao chất lượng, tỷ lệ sống trong sản xuất giống cá chim vây vàng, phục vụ nhu cầu sản xuất nghề nuôi biển trong thời gian tới, từng bước phục vụ việc chuyển đổi nghề, chống khai thác bất hợp pháp (IUU)	<ol style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng mô hình sản xuất giống cá chim vây vàng quy mô công nghiệp.</li> <li>Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm</li> <li>Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn tham quan, tổng kết, tuyên truyền kết quả dự án để phổ biến nhân rộng</li> </ol>	Khánh Hoà, Nghệ An	2024-2026	<ol style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng mô hình sản xuất giống cá chim vây vàng: Quy mô sản xuất được <math>\geq 200</math> vạn giống cá chim vây vàng; các giống khoẻ mạnh, đồng đều, không nhiễm bệnh; cỡ cá giống 5-7cm/con, tỷ lệ dị hình <math>\leq 2,8\%</math> và trên 400 cặp cá bố mẹ (cá bố <math>\geq 3</math> kg, cá mẹ <math>\geq 4</math>kg). <ul style="list-style-type: none"> <li>Mô hình sinh sản nhân tạo giống cá chim vây vàng: Quy mô <math>\geq 140</math> vạn cá giống; cỡ cá giống <math>\geq 5</math>cm/con</li> <li>Mô hình ương từ cá bột lên cá giống cỡ <math>\geq 5</math>cm/con; quy mô <math>\geq 60</math> vạn cá giống. Đảm bảo các chỉ tiêu cụ thể: Tỷ lệ sống giai đoạn cá bột lên cá giống đạt <math>\geq 17\%</math>;</li> </ul> </li> <li>Mô hình gắn với tổ chức sản xuất: Hình thành <math>\geq 02</math> chuỗi liên kết sản xuất và cung ứng giống phục vụ nuôi thương phẩm.</li> <li>Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn, tham quan, tổng kết, thông tin tuyên truyền và nhân rộng mô hình theo quy định.</li> <li>Hiệu quả kinh tế: tăng tối thiểu 15% so với trước khi thực hiện mô hình</li> <li>Nhân rộng mô hình tối thiểu 15% so với quy mô dự án được phê duyệt.</li> </ol>
35.	Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ đèn LED	Nâng cao năng lực và hiệu quả khai thác, tiết kiệm nhiên liệu, giảm chi phí sản xuất, tăng hiệu quả kinh tế, an	1. Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ đèn LED chiếu sáng trong khai thác hải sản, nâng cao hiệu quả sản xuất.	Quảng Ninh, Thanh Hóa, Quảng	2024-2026	1) Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ đèn LED cho nghề lưới chụp khai thác hải sản ở vùng khơi với các thông số kỹ thuật: Công suất bóng đèn $\geq 200$ W/bóng; Nhiệt độ màu: 4000K/5000K; Quang thông: $\geq 26000$ lm.

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả
	cho nghề lưới chụp khai thác hải sản ở vùng khơi.	toàn cho lao động và giảm ô nhiễm môi trường.	2. Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn tham quan, tổng kết, tuyên truyền kết quả dự án để phổ biến nhân rộng mô hình.	Bình, Bình Định, Bình Thuận		2) Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn, tham quan, tổng kết, thông tin tuyên truyền và nhân rộng mô hình theo quy định. 3) Hiệu quả kinh tế: Giảm chi phí sản xuất trực tiếp khoảng 20-30%; giảm lượng khí thải CO <sub>2</sub> ; tăng lợi nhuận và thu nhập của lao động tối thiểu 15%; tăng mức độ an toàn cho lao động. 4) Nhân rộng mô hình tối thiểu 15% so với quy mô dự án được phê duyệt.
36.	Xây dựng mô hình cơ giới hóa nghề lưới chụp và lưới rê tầng đáy khai thác hải sản ở vùng khơi	- Nâng cao năng suất lao động, năng lực khai thác, giảm số lượng lao động. - Tăng hiệu quả kinh tế, tăng độ an toàn khi thao tác cho nghề lưới chụp và lưới rê tầng đáy khai thác ở vùng khơi.	1. Xây dựng mô hình trình diễn ứng dụng tời thủy lực thu lưới chụp và lưới rê tầng đáy khai thác hải sản ở vùng khơi 2. Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn tham quan, tổng kết, tuyên truyền kết quả dự án để phổ biến nhân rộng mô hình.	Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Bình Thuận, Bình Định	2024-2026	1) Xây dựng tối thiểu 16 mô hình ứng dụng tời thủy lực cho 16 tàu lưới rê tầng đáy và lưới chụp. Trong đó: + Mô hình tời thủy lực thu lưới rê tầng đáy đảm bảo thông số kỹ thuật: lực kéo tối thiểu 3 tấn, áp suất làm việc $\geq 100$ at, tốc độ thu lưới đạt 0,42m/s. + Mô hình tời thủy lực thu lưới chụp đảm bảo thông số kỹ thuật: lực kéo tối thiểu 6 tấn, tốc độ thu dây $\geq 40$ vòng/phút. 2) Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn, tham quan, tổng kết, thông tin tuyên truyền và nhân rộng mô hình theo quy định. 3) Hiệu quả kinh tế: Giảm số lượng lao động tối thiểu 2 người; tăng lợi nhuận và thu nhập của lao động tối thiểu 15%; tăng độ an toàn cho lao động. 4) Nhân rộng mô hình tối thiểu 15% so với quy mô dự án được phê duyệt.
37.	Xây dựng mô hình	- Tận dụng tiềm năng diện tích mặt nước	1. Xây dựng mô hình nuôi tôm sú, sò huyết kết hợp dưới	Cà Mau, Kiên	2024-2026	1) Xây dựng mô hình: nuôi tôm sú, sò huyết kết hợp dưới tán rừng; Quy mô $\geq 300$ ha.

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả
	nuôi tôm sú, sò huyết kết hợp dưới tán rừng gần với liên kết tiêu thụ sản phẩm	rừng ngập mặn, chuyển giao công nghệ nuôi mới giúp tăng năng suất, chất lượng tôm sú và sò huyết, tăng thu nhập cho người ngư dân ven biển.	tán rừng 2. Xây dựng 01 chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm 3. Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn tham quan, tổng kết, tuyên truyền kết quả dự án để phổ biến nhân rộng.	Giang		- Năng suất, sản lượng: * Sò huyết: Tỷ lệ sống: $\geq 30\%$ , Năng suất: $\geq 24$ tấn/ha/năm * Tôm sú: Tỷ lệ sống: $\geq 20\%$ , Năng suất: $\geq 300$ kg/ha/vụ 2) Xây dựng được $\geq 01$ chuỗi sản xuất nuôi tôm sú, sò huyết dưới tán rừng. 3) Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn, tham quan, tổng kết, thông tin tuyên truyền và nhân rộng mô hình theo quy định. 4) Hiệu quả kinh tế: tăng tối thiểu 15% so với trước khi thực hiện mô hình 5) Nhân rộng mô hình tối thiểu 15% so với quy mô dự án được phê duyệt.
38.	Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm Ngao hai cù ( <i>Tapes conspersus</i> ) gắn với tiêu thụ sản phẩm	'- Ứng dụng công nghệ mới phát triển nghề nuôi nhuyễn thể bền vững, đảm bảo an toàn thực phẩm thích, ứng với biến đổi khí hậu; - Nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng giá trị sản phẩm phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Giúp ngư dân chuyển đổi nghề hiệu quả.	1. Xây dựng mô hình nuôi nuôi thương phẩm Ngao hai cù 2. Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm 3. Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn tham quan, tổng kết, tuyên truyền kết quả dự án để phổ biến nhân rộng.	Quảng Ninh, Hải Phòng	2024-2026	1) Xây dựng mô hình: nuôi thương phẩm Ngao hai cù ( <i>Tapes conspersus</i> ), Quy mô $\geq 10.000$ m <sup>2</sup> ; Tỷ lệ sống: $\geq 75\%$ ; cỡ thu hoạch $\geq 28$ g/con, năng suất $\geq 7,5$ kg/m <sup>2</sup> . 2) Xây dựng được $\geq 01$ chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm ngao hai cù. 3) Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn, tham quan, tổng kết, thông tin tuyên truyền và nhân rộng mô hình theo quy định. 4) Hiệu quả kinh tế: tăng tối thiểu 15% so với trước khi thực hiện mô hình 5) Nhân rộng mô hình tối thiểu 15% so với quy mô dự án được phê duyệt.

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả
39.	Xây dựng mô hình nuôi cá mú trên châu bằng lồng HDPE thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	<p>- Phát triển mô hình nuôi cá biên bằng lồng HDPE nhằm nâng cao hiệu quả và phát triển bền vững nghề nuôi biển</p> <p>- Từng bước phục vụ việc chuyển đổi nghề, chống khai thác bất hợp pháp (IUU).</p>	<p>1. Xây dựng mô hình nuôi cá mú trên châu bằng lồng HDPE thích ứng với biến đổi khí hậu.</p> <p>2. Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.</p> <p>3. Tổ chức các hoạt động đào tạo tập huấn, tham quan, tổng kết, tuyên truyền kết quả dự án để phổ biến nhân rộng.</p>	Ninh Thuận, Khánh Hoà	2024-2026	<p>1) Xây dựng mô hình: quy mô <math>\geq 3.000</math> m<sup>3</sup> lồng HDPE nuôi cá mú trên châu thích ứng với biến đổi khí hậu; Tỷ lệ sống đạt <math>\geq 70\%</math>; Cỡ thu hoạch <math>\geq 1</math> kg/con, năng suất đạt <math>\geq 10</math> kg/m<sup>3</sup>.</p> <p>2) Xây dựng tối thiểu 01 chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.</p> <p>3) Tổ chức các hoạt động đào tạo tập huấn, thông tin tuyên truyền nhằm quảng bá và nhân rộng mô hình.</p> <p>4) Hiệu quả kinh tế mô hình tăng tối thiểu 15% so với trước khi thực hiện mô hình.</p> <p>5) Nhân rộng mô hình tối thiểu 15% so với quy mô dự án được phê duyệt.</p>
40.	Xây dựng mô hình nuôi cá Nâu ( <i>Scatophagus argus</i> ) thương phẩm gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	Phát triển bền vững và hiệu quả nghề nuôi cá biên, phát huy tiềm năng lợi thế của địa phương, tạo ra sản phẩm đặc trưng vùng miền	<p>1. Xây dựng mô hình nuôi cá Nâu thương phẩm.</p> <p>2. Xây dựng chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm.</p> <p>3. Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị cho sản phẩm cá Nâu</p> <p>4. Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn tham quan, tổng kết, tuyên truyền kết quả dự án để phổ biến nhân rộng.</p>	Quảng Trị, Thừa Thiên Huế,	2024-2026	<p>1) Xây dựng mô hình: Quy mô <math>\geq 8</math> ha nuôi cá Nâu thương phẩm.</p> <p>Các chỉ tiêu cần đạt:</p> <p>+ Mật độ thả: 3 con/m<sup>2</sup>.</p> <p>+ Tỷ lệ sống: <math>\geq 60\%</math>.</p> <p>+ Cỡ thu hoạch: <math>\geq 200</math>g/con.</p> <p>+ Năng suất: <math>\geq 3,6</math> tấn/ha</p> <p>2) Xây dựng được <math>\geq 02</math> chuỗi giá trị quảng bá và tiêu thụ sản phẩm.</p> <p>3) Tổ chức các hoạt động đào tạo tập huấn, thông tin tuyên truyền nhằm quảng bá và nhân rộng mô hình.</p> <p>4) Hiệu quả kinh tế: tăng tối thiểu 15% so với trước khi thực hiện mô hình</p> <p>5) Nhân rộng mô hình tối thiểu 15% so với quy mô dự án được phê duyệt.</p>

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả
<b>IV</b>	<b>LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP</b>					
41.	Xây dựng mô hình trồng Quế theo hướng hữu cơ tại một số tỉnh phía Bắc	<p>1. Xây dựng vùng nguyên liệu sản xuất Quế hữu cơ theo hướng hữu cơ, đạt năng suất và chất lượng cao đảm bảo tiêu chuẩn chế biến và xuất khẩu.</p> <p>2. Hỗ trợ Nâng cao năng lực HTX/THT gắn với doanh nghiệp trong tổ chức sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm Quế.</p> <p>3. Nâng cao năng lực của hệ thống khuyến nông địa phương và vai trò của tổ khuyến nông cộng đồng.</p>	<p>1. Áp dụng đồng bộ quy trình trồng Quế theo hướng hữu cơ đảm bảo tiêu chuẩn phục vụ chế biến và xuất khẩu.</p> <p>2. Xây dựng 02 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh (Tổ hợp tác/ hợp tác xã) gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm.</p> <p>3. Tổ chức đào tạo, tham quan, sơ kết, tổng kết, thông tin tuyên truyền nhân rộng mô hình.</p> <p>4. Kết nối nội dung của dự án với các dự án hiện có trong vùng để phát triển vùng nguyên liệu Quế hữu cơ nhằm phát huy hiệu quả đầu tư.</p>	Hà Giang, Lào Cai	2024-2026	<p>1) Xây dựng được 6 mô hình với quy mô 40 ha Quế theo hướng hữu cơ. tỷ lệ sống đạt <math>\geq 90\%</math>, Sinh trưởng: sau năm thứ 3 đạt: <math>D_{00} \geq 2,2\text{cm}</math>; <math>H_{vn} \geq 2,5\text{m}</math>; năm thứ 2 đạt <math>D_{00} \geq 1,5\text{cm}</math>; <math>H_{vn} \geq 1,5\text{m}</math>.</p> <p>2) Xây dựng 2 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết <math>\geq 2</math> HTX/THT và <math>\geq 1</math> doanh nghiệp tiêu thụ toàn bộ sản phẩm của dự án.</p> <p>3) Nâng cao năng lực cho các hộ tham, các hộ có nhu cầu và cán bộ khuyến nông cơ sở tham gia về trồng quế theo hướng hữu cơ.</p> <p>4) Nhân rộng kết quả mô hình thông qua: Truyền truyền, tham quan, sơ kết, tổng kết. Mô hình được nhân rộng <math>\geq 20\%</math> so với quy mô Dự án được phê duyệt.</p> <p>5) Hiệu quả kinh tế của mô hình tăng <math>\geq 15\%</math> so với đại trà.</p>
42.	Xây dựng mô hình trồng rừng thâm canh Vù hương ( <i>Cinnamomum</i> )	<p>1. Ứng dụng và chuyển giao được Quy trình kỹ thuật trong trồng thâm canh Vù hương cung cấp gỗ lớn và tinh dầu.</p> <p>2. Góp phần đáp ứng</p>	<p>1. Áp dụng đồng bộ kỹ thuật trồng rừng rừng gỗ lớn bằng cây Vù hương.</p> <p>2. Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho người người sản xuất và phát huy vai trò của tổ khuyến nông cộng đồng.</p>	Hòa Bình, Bắc Kạn, Phú Thọ	2024-2026	<p>1) Xây dựng được 45 ha mô hình thâm canh Vù hương đáp ứng nhu cầu cung cấp gỗ lớn và tinh dầu. Yêu cầu kỹ thuật: tỷ lệ sống đạt trên 90%, chiều cao sau 30 tháng đạt <math>\geq 3,0\text{m}</math>; đường kính gốc đạt <math>\geq 3,0\text{cm}</math>.</p> <p>2) Nâng cao năng lực cho các hộ tham gia về kỹ thuật trồng rừng thâm canh Vù hương cung cấp gỗ lớn và</p>

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả
	<i>balansae</i> H.Lec) cung cấp gỗ lớn tại một số tỉnh miền núi phía Bắc	nhu cầu về nguyên liệu gỗ lớn và tinh dầu phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.	4. Thông tin tuyên truyền, quảng bá và nhân rộng mô hình trồng rừng gỗ lớn.			<p>tinh dầu.</p> <p>3) Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn, tham quan, tuyên truyền, sơ kết, tổng kết nhằm nhân rộng mô hình <math>\geq 20\%</math> so với quy mô Dự án được phê duyệt.</p> <p>4) Hiệu quả kinh tế của mô hình tăng <math>\geq 15\%</math> so với mô hình đạ trà.</p>
43.	Xây dựng mô hình trồng cây dược liệu theo tiêu chuẩn GACP gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	<p>1. Hình thành vùng nguyên liệu sản xuất dược liệu theo tiêu chuẩn GACP.</p> <p>2. Nâng cao năng lực, vai trò của HTX/THT liên kết với Doanh nghiệp trong tổ chức sản xuất và bao tiêu sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế cho người dân tham gia.</p>	<p>1. Xây dựng 06 mô hình Cát sâm, Khôi tía theo chuẩn GACP.</p> <p>2. Xây dựng 02 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm.</p> <p>3. Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho người người sản xuất và phát huy vai trò của tổ khuyến nông cộng đồng.</p> <p>4. Thông tin tuyên truyền, quảng bá và nhân rộng mô hình trồng dược liệu.</p>	Tuyên Quang, Yên Bái	2024-2026	<p>1) Trồng được 40 ha cây dược liệu (Cát sâm, Khôi tía) theo tiêu chuẩn GACP. Năng suất Cát sâm sau 30 tháng, trung bình đạt 2kg củ tươi/cây, năng suất Khôi tía đạt từ 1-1,5 tấn lá tươi/ha/năm.</p> <p>2) 02 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết với <math>\geq 01</math> HTX, doanh nghiệp liên kết tiêu thụ 100% sản phẩm của dự án.</p> <p>3) Nhân rộng kết quả mô hình thông qua: Tuyên truyền, quảng bá mô hình. Mô hình nhân rộng <math>\geq 20\%</math> so với quy mô dự án.</p> <p>4) Hiệu quả kinh tế của mô hình tăng <math>\geq 15\%</math> so với sản xuất đạ trà.</p>
44.	Xây dựng mô hình trồng cây sachi theo tiêu chuẩn	1. Hình thành vùng sản xuất hạt sachi theo tiêu chuẩn VietGAP phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.	<p>1. Xây dựng 06 mô hình trồng cây Sachi với 150 ha theo tiêu chuẩn VietGAP.</p> <p>2. Xây dựng 02 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh</p>	Thanh Hóa, Nghệ An	2024-2026	<p>1) Mô hình trồng 30 ha cây Sachi theo tiêu chuẩn VietGAP. Tỷ lệ sống đạt <math>\geq 90\%</math>, năng suất hàng năm đạt từ <math>\geq 8</math> tạ quả/ha/năm, năm thứ 3 trở đi có đạt <math>\geq 2</math> tấn quả/ha.</p> <p>2) Xây dựng được 02 mô hình tổ chức quản lý sản</p>



TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả
	VietGAP tại một số tỉnh Bắc Trung Bộ.	2. Chuyển giao giống Sachi có năng suất cao, tổ chức liên kết tiêu thụ sản phẩm.	doanh, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm Sachi 3. Tập huấn nâng cao năng lực cho người người sản xuất và phát huy vai trò của tổ khuyến nông cộng đồng. 4. Tổ chức các hoạt động, tham quan, tổng kết, thông tin tuyên truyền và nhân rộng hình.			xuất kinh doanh, liên kết với $\geq 01$ HTX/THT/doanh nghiệp tiêu thụ 100% sản phẩm của dự án. 3) Nhân rộng kết quả mô hình thông qua: Tuyên truyền, quảng bá mô hình. Mô hình nhân rộng $\geq 20\%$ so với quy mô dự án. 4) Hiệu quả kinh tế của mô hình tăng $\geq 15\%$ so với sản xuất đại trà.
45.	Xây dựng mô hình trồng thâm canh Dẻ Trùng Khánh bằng cây ghép tại khu vực miền núi phía Bắc.	1. Hình thành vùng sản xuất Dẻ Trùng Khánh phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu. 2. Chuyển giao giống Dẻ Trùng Khánh bằng cây ghép từ nguồn giống được công nhận ra sản xuất. 3. Hỗ trợ Nâng cao năng lực HTX/Doanh nghiệp trong tổ chức sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm hạt Dẻ.	1. Xây dựng 6 mô hình trồng thâm canh Dẻ Trùng Khánh với quy mô 90 ha bằng cây ghép. 2. Tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, gắn với liên kết tiêu thụ hạt Dẻ. 3. Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho người người sản xuất và phát huy vai trò của các tổ khuyến nông cộng đồng. 4. Tổ chức các hoạt động, tham quan, tổng kết, thông tin tuyên truyền và nhân rộng mô hình Dẻ Trùng Khánh ra SX.	Tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn	2024-2026	1) Xây dựng được 40 ha mô hình trồng Dẻ Trùng Khánh bằng cây ghép; tỷ lệ sống đạt $\geq 90\%$ ; cây sau 30 tháng chiều cao đạt $\geq 1,5$ m, đường kính gốc đạt $\geq 1,5$ cm. 2) Tập huấn, nâng cao năng lực cho các hộ dân về sản xuất và phát triển cây Dẻ Trùng Khánh bằng cây ghép. 3) Xây dựng 2 mô hình chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết với $\geq 01$ HTX/THT/doanh nghiệp tiêu thụ 100% sản phẩm của dự án. 4) Nhân rộng kết quả mô hình thông qua: Tuyên truyền, quảng bá mô hình. Mô hình nhân rộng $\geq 20\%$ so với quy mô dự án.

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả
46.	Xây dựng mô hình trồng cây dược liệu tại vùng trung du Bắc bộ	<p>1. Hình thành vùng sản xuất dược liệu gắn với tổ chức chế biến, tiêu thụ sản phẩm.</p> <p>2. Hỗ trợ Nâng cao năng lực HTX/Doanh nghiệp trong tổ chức sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm dược liệu.</p>	<p>1. Xây dựng các mô hình trồng dược liệu (cây Ba kích, Trà hoa vàng) tại vùng đệm một số Vườn Quốc Gia và vùng lân cận</p> <p>2. Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm.</p> <p>3. Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho người người sản xuất.</p> <p>4. Tổ chức các hoạt động, tham quan, tổng kết, thông tin tuyên truyền và nhân rộng mô hình</p>	Vĩnh Phúc, Phú Thọ	2024-2026	<p>1) Trồng được 30 ha cây dược liệu (Ba kích, Trà hoa vàng) theo tiêu chuẩn GACP. Tỷ lệ sống <math>\geq 85\%</math>, Năng suất Cát sâm sau 30 tháng, trung bình đạt 2kg củ tươi/cây, cây trà hoa vàng sau 30 tháng, chiều cao đạt <math>\geq 1,2\text{m}</math>, đường kính gốc <math>\geq 1,5\text{m}</math>.</p> <p>2) 02 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết với <math>\geq 01</math> HTX/THT/doanh nghiệp tiêu thụ 100% sản phẩm của dự án.</p> <p>3) Tập huấn, nâng cao năng lực cho các hộ dân về sản xuất và phát triển cây Dẻ Trùng Khánh bằng cây ghép</p> <p>4) Nhân rộng kết quả mô hình thông qua: Tuyên truyền, quảng bá mô hình. Mô hình nhân rộng <math>\geq 20\%</math> so với quy mô dự án.</p> <p>5) Hiệu quả kinh tế của mô hình tăng <math>\geq 15\%</math> so với sản xuất đại trà.</p>